

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2018/HNGĐ
Ngày 12/ 11/ 2018
V/v Tranh chấp: Ly hôn, nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương
2. Ông Nguyễn Quang Khải

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thành Đạt Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXX-ST ngày 05/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm 1984 (có mặt).
Nơi ĐKNKTT: Đội 6B , xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
Trú tại: Đội 15A, xã Thanh L, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn V, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Trú tại: Đội 6B , xã Thanh L, huyện Điện Biên - Tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/8/2018 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lò Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân*: Tôi và anh Lương Văn V sau một năm tìm hiểu và tiến tới cuộc sống hôn nhân được sự nhất trí của hai bên gia đình chúng tôi, đến năm 2002 chúng tôi lấy nhau theo phong tục tập quán, không đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi chung sống hạnh phúc được 10 năm trong thời gian đó vợ chồng yêu thương quan tâm chia sẻ với nhau đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng tôi nghiện chất ma túy, mặc dù tôi đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh V vẫn không nghe, tất cả tài sản có giá trị trong gia đình anh V mang bán hết để sử dụng ma túy, từ đó vợ chồng chúng tôi đã phát sinh mâu thuẫn, anh V còn đánh đập hành hạ tôi, tôi không chịu được cảnh chung sống với chồng tôi, chúng tôi đã sống ly thân cho đến nay, tình cảm giữa tôi và anh V không thể hiểu và thông cảm với nhau được nữa, tôi cũng không thể chuyên tâm vào công việc, vì vậy để có một tương lai tốt đẹp hơn, thoải mái hơn để tôi yên tâm làm việc và chăm sóc con chung được trưởng thành. Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho tôi được ly hôn với anh V.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với về việc giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị H đã có ý kiến như sau:

Số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) bà nội (mẹ đẻ anh V) đã bảo tôi đi gửi tiết kiệm mang tên con gái tôi và bà đã giữ sổ tiết kiệm đó, nếu anh V muốn đòi số tiền đó thì về gặp bà nội để lấy, hiện nay tôi không được giữ.

2. *Về con chung*: Quá trình chung sống chúng tôi có hai con chung, cháu Lương Thị M, sinh ngày 26/10/2003 và cháu Lương Quốc T, sinh ngày 06/5/2008. Sau khi ly hôn các cháu muốn ở với ai là tùy các cháu, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/9/2018 anh Lương Văn V (bị đơn) trình bày như sau:

1. *Về hôn nhân*: Tôi và cô Lò Thị H sau một năm tìm hiểu nhau và dẫn đến hôn nhân nhưng không đi đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, chúng tôi kết hôn tự nguyện, chúng tôi sống với nhau hạnh phúc, trước khi vợ xảy ra mâu thuẫn gia đình, do tôi toàn đi làm ăn xa và tôi lúc nào cũng gửi tiền về cho vợ con trong gia đình, trong 10 năm đó vợ tôi chỉ ở nhà chăm sóc con cái, không phải đi làm việc nặng nhọc gì, trong vòng 02 năm (2011 – 2012) vợ chồng hay cãi vã nhau, lý do vợ tôi chơi bời đăm đúm bạn bè, rủ nhau đi uống rượu, bia và không quan tâm tới gia đình. Nay cô H làm đơn xin ly hôn tôi không

đồng ý, vì cô H đang giữ tiền của tôi là 100.000.000 (một trăm triệu đồng). Nếu cô H trả cho tôi số tiền trên thì tôi mới đồng ý ly hôn.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với về việc giải quyết vụ án bị đơn anh Lường Văn V đã có trình bày như sau:

Số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) đó là tiền giải tỏa đền bù đất, cô Hòa nói mẹ đẻ tôi đang cầm sổ tiết kiệm mang tên con gái tôi thì tôi không đòi nữa và tôi không có ý kiến gì về khoản tiền đó, nhưng tôi vẫn không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng có chung với nhau hai con chung cháu Lường Thị M, sinh ngày 26/10/2003 và cháu Lường Quốc T sinh ngày 06/5/2008. Tôi yêu cầu được nuôi cháu Lường Quốc T cho đến khi trưởng thành, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản:

Tài sản riêng: Ông bà nội cho tôi một mảnh ruộng 407m² và cho tôi 100m² đất ở và 300m² đất vườn và hiện nay đã bán theo đất của bà nội, số tiền đó tôi đưa bà nội cầm hộ hiện mua đất và làm nhà, và vợ tôi cầm 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đi gửi ngân hàng để nhà thiếu gì sẽ mua sau. Tài sản riêng này tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ tôi có cầm 01 dây chuyền vàng 9999 (03 chỉ) và 02 dây chuyền vàng 9999 (02 chỉ/ 01 dây), còn 01 dây 02 chỉ vợ tôi đi uống rượu nhà bên cạnh, lúc đó hai vợ chồng tôi cãi nhau và tranh nhau đã làm đứt đôi mỗi người một nửa, ngoài ra còn 7.000.000 đồng tiền mặt, 01 nhẫn 01 chỉ tôi đã đem đi bán tôi đã đưa cho vợ tôi 02 triệu, tiền bán lợn con cho anh H ở bản Ten là 4.000.000 (bốn triệu đồng). Toàn bộ tài sản trên tôi đều đưa vợ tôi cầm hết. Chúng tôi tự thỏa thuận ở nhà những tài sản chung này, khi nào không thỏa thuận được tôi sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Nợ phải trả: Nợ lấy về: Không có;

Diện tích ruộng, nương: Khẩu của ai người đó được quản lý và sử dụng.

Tại biên bản xác minh ngày 10/9/2018, chính quyền địa phương xã T huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Chị Lò Thị H và anh Lường Văn V kết hôn với nhau năm 2002, không đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Đội 15A, xã T, huyện Điện Biên từ lâu, khoảng gần 5 năm rồi, từ lâu chúng tôi không thấy chị H về sinh sống tại nhà anh V nữa. Chị H và anh V có với nhau hai con chung là cháu Lường Thị M, sinh ngày 26/10/2003 và cháu Lường Quốc T, sinh ngày 06/5/2008. Hiện các cháu đều đã trên 07 tuổi, nên việc xem xét giải quyết con chung cho ai nuôi dưỡng là tùy thuộc vào nguyện vọng của các cháu. Tuy nhiên để đảm bảo về mọi mặt cho các cháu đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân huyện Điện Biên thụ lý đúng thẩm quyền, chấp hành đúng theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 47, Điều 48, Điều 68, Điều 173, Điều 191, Khoản 4 Điều 195, Điều 196, Điều 197, Khoản 2 Điều 203, 204, Điều 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ Luật tố tụng dân sự; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy đủ, hợp pháp; thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát đầy đủ các văn bản tố tụng; sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự, Chánh án Tòa án đã ra QĐ thay đổi thư ký theo đúng quy định tại Điều 56 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 76, 78, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Lương Văn V tiếp tục không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

- Đối với yêu cầu ly hôn: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên chấp nhận yêu cầu của chị H: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh V.

- Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là Lương Thị M, sinh ngày 26/10/2003 đang ở với mẹ và Lương Quốc T sinh ngày 06/5/2008 hiện đang ở với bố. Các cháu đều đủ 07 tuổi trở lên, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh V có nguyện vọng được nuôi cháu T. Tuy nhiên anh V là người nghiện ma túy, thường xuyên vắng nhà nếu cháu T sống cùng anh V trong môi trường như vậy sẽ bị ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của cháu. Nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xem xét điều kiện đáp ứng về vật chất và tinh thần tốt nhất cho các cháu để quyết định người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ phải trả; Nợ lấy về: Không có; Diện tích ruộng, nương: Khẩu của ai người đó được quản lý và sử dụng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ vào ngày 02/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Lò Thị H và anh Lương Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lương Văn V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V chung sống với nhau từ năm 2002 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng. Chị H và anh V lấy nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc, tuy nhiên theo chị H thì vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V sử dụng ma túy, tất cả tài sản có giá trị trong gia đình anh V đều mang đi bán hết để có tiền sử dụng ma túy, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Theo bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án anh V cũng có chung quan điểm với chị H việc không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không quan tâm tới gia đình, chơi bời đàm đúm bạn bè rủ nhau đi uống rượu, bia từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không đồng ý. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H không đồng ý quay lại chung sống với anh V và đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng, mặt khác tình cảm giữa chị H và anh V đã trầm trọng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai anh chị đã ly thân nhiều năm. Vì vậy, căn cứ vào Điều 9, Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh V.

[2.2] . Về con chung: Hai anh chị có hai con chung, cháu đầu là Lương Thị M, sinh ngày 26/10/2003, cháu thứ hai Lương Quốc T, sinh ngày 06/5/2008. Chị H khai vì các cháu đã trên 07 tuổi cho nên các cháu muốn ở với ai là tùy các cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai của anh V và tại phiên hòa giải anh đề nghị được nuôi cháu Lương Quốc T cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con

chung. Tại các bản tự khai ngày 07/9/2018 của hai cháu Lường Thị M và Lường Quốc T các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị H, hai cháu M, Thông là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con, cần căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H và hai cháu M, T, giao hai cháu cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Chị H không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh V. Nguyện vọng của anh V không được Tòa án chấp nhận. Anh V có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh V đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2. 4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002881 ngày 02/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị H và anh Lường Văn V.

2. Về con chung:

- Giao hai cháu Lường Thị M, sinh ngày 26/10/2003 và cháu Lường Quốc T, sinh ngày 06/5/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0002881 ngày 02/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/11/2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Khải

Vũ Thị Thanh Thủy

Lò Văn Thương

